

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN KỸ THUẬT HOÁ HỌC

CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC 2009

CỬ NHÂN KỸ THUẬT
IN VÀ TRUYỀN THÔNG

Thông qua Hội đồng chương trình
Ngày tháng năm 20
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Phê duyệt của Hiệu trưởng
Ngày tháng năm 20
HIỆU TRƯỞNG

MỤC LỤC

| | | |
|----------|--|----------|
| 1 | Mục tiêu chương trình | 1 |
| 2 | Chuẩn đầu ra – Kết quả mong đợi | 1 |
| 3 | Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa | 2 |
| 4 | Đối tượng tuyển sinh | 2 |
| 5 | Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp | 2 |
| 6 | Thang điểm | 2 |
| 7 | Nội dung chương trình | 3 |
| 7.1 | <i>Cấu trúc chương trình đào tạo</i> | 3 |
| 7.2 | <i>Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo</i> | 6 |
| 7.2.1 | Danh mục học phần chung khối kỹ thuật | 6 |
| 7.2.2 | Danh mục học riêng ngành Kỹ thuật in và truyền thông | 7 |
| 8 | Mô tả tóm tắt nội dung học phần | 8 |
| 8.1 | <i>Ngoại ngữ</i> | 8 |
| FL1101 | Tiếng Anh TOEIC I | 8 |
| FL1102 | Tiếng Anh TOEIC II | 8 |
| 8.2 | <i>Toán và khoa học cơ bản</i> | 8 |
| MI1110 | Giải tích I | 8 |
| MI1120 | Giải tích II | 9 |
| MI1130 | Giải tích III | 9 |
| MI1140 | Đại số | 9 |
| PH1110 | Vật lý I | 9 |
| IT1110 | Tin học đại cương | 10 |
| CH3129 | Hoá học vô cơ (KT in) | 10 |
| CH3227 | Hoá học hữu cơ (KT in) | 10 |
| CH3006 | Hoá lý (KT In) | 11 |
| CH3007 | Thí nghiệm Hoá lý (KT In) | 11 |
| 8.3 | <i>Cơ sở cốt lõi ngành</i> | 11 |
| ME2015 | Đồ họa kỹ thuật cơ bản | 11 |
| CH3600 | Nhập môn kỹ thuật in và truyền thông | 12 |
| IT3087 | Máy tính và mạng máy tính | 12 |
| CH3610 | Lý thuyết màu | 12 |
| CH3620 | Lý thuyết phục chế hình ảnh | 12 |
| CH3630 | Vật liệu ngành in | 13 |
| EE3339 | Điều khiển và tự động hoá quá trình sản xuất | 13 |
| ME2040 | Cơ học kỹ thuật | 13 |
| CH3640 | Kỹ thuật chế bản điện tử | 14 |
| CH4682 | Anh văn chuyên ngành | 14 |
| ME3060 | Nguyên lý máy | 15 |
| CH4664 | Kỹ thuật xuất dữ liệu và chế khuôn in | 15 |

| | | |
|------------|---|-----------|
| CH4666 | Kỹ thuật in I | 15 |
| CH4668 | Kỹ thuật in II | 16 |
| CH3690 | Đồ án thiết kế qui trình công nghệ sản xuất một ấn phẩm | 16 |
| 8.4 | <i>Tự chọn định hướng Kỹ thuật in</i> | 16 |
| CH4700 | Hoàn thiện sản phẩm in | 16 |
| CH4674 | Tổ chức và quản lý sản xuất in | 17 |
| CH4701 | Đồ án tổ chức sản xuất in | 17 |
| CH4702 | Thí nghiệm chuyên ngành kỹ thuật in | 17 |
| CH4684 | Kiểm soát chất lượng in | 17 |
| CH4716 | Cơ sở thiết kế nhà máy in | 18 |
| CH4672 | An toàn lao động và môi trường trong ngành in | 18 |
| 8.5 | <i>Tự chọn định hướng kỹ thuật đồ họa</i> | 19 |
| CH4710 | Thiết kế đồ họa | 19 |
| CH4662 | Kỹ thuật xử lý ảnh | 19 |
| CH4712 | Thí nghiệm chuyên ngành thiết kế đồ họa | 19 |
| CH4713 | Thiết kế, trình bày sách | 20 |
| CH4711 | Đồ án thiết kế sản phẩm truyền thông | 20 |
| CH4714 | Hệ thống quản lý màu | 21 |
| CH4715 | Thiết kế trình bày bao bì | 21 |
| CH4692 | Thực tập Kỹ thuật | 21 |

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Chương trình cử nhân Kỹ thuật In và Truyền thông

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kỹ thuật in và truyền thông

Mã ngành:

Bằng tốt nghiệp: Cử nhân Kỹ thuật

(Ban hành tại Quyết định số 561 /QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 25 /04/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội)

1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu của Chương trình cử nhân Kỹ thuật In và truyền thông là trang bị cho người tốt nghiệp:

- (1) *Kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc* để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực rộng của ngành in truyền thông
- (2) *Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân* cần thiết để thành công trong nghề nghiệp
- (3) *Kỹ năng xã hội cần thiết* để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế
- (4) *Năng lực tham gia xây dựng và phát triển ý tưởng sản phẩm, qui trình và thiết bị sản xuất, vận hành và khai thác hệ thống SX, nhận biết và giải quyết các vấn đề* phát sinh trong thực tiễn
- (5) *Phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

2 Chuẩn đầu ra - Kết quả mong đợi

Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân Kỹ thuật In và Truyền thông của Trường ĐHBK Hà Nội phải có được:

1. Kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực rộng của ngành *In truyền thông*
 - 1.1 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở *toán, vật lý, hoá học, tin học, quản trị, đồ hoạ và cơ khí để mô tả, tính toán* các hệ thống thiết bị, qui trình công nghệ và các sản phẩm in truyền thông.
 - 1.2 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở *kỹ thuật về máy tính, phục chế in, điều khiển tự động để nghiên cứu và phân tích* các hệ thống thiết bị, quá trình sản xuất các sản phẩm in truyền thông.
 - 1.3 Khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật về *đồ hoạ truyền thông và thiết kế in, công nghệ và thiết bị in, vận hành và quản lý quá trình sản xuất in*, kết hợp với khả năng khai thác các phương tiện hiện đại để *thiết kế* các sản phẩm truyền thông và các giải pháp và qui trình công nghệ để chế tạo các sản phẩm đó.
2. Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp:
 - 2.1 Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề kỹ thuật
 - 2.2 Khả năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức
 - 2.3 Tư duy hệ thống và tư duy phê bình
 - 2.4 Tính năng động, sáng tạo và nghiêm túc
 - 2.5 Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp
 - 2.6 Hiểu biết các vấn đề đương đại và ý thức học suốt đời
3. Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế:
 - 3.1 Kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm (đa ngành)
 - 3.2 Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.

- 3.3 Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc, đạt điểm TOEIC \geq 450.
4. Năng lực tham gia xây dựng và phát triển ý tưởng sản phẩm, qui trình và thiết bị sản xuất, vận hành và khai thác hệ thống SX, nhận biết và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
- 4.1 *Nhận thức về mối liên hệ mật thiết giữa giải pháp kỹ thuật với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong thế giới toàn cầu hóa*
- 4.2 *Năng lực nhận biết và hình thành các phương án giải quyết vấn đề*
- 4.3 *Năng lực tham gia thiết kế hệ thống sản xuất, đề ra các giải pháp kỹ thuật*
- 4.4 *Năng lực tham gia thực thi triển khai hệ thống thiết kế và sản xuất sản phẩm truyền thống như sản phẩm in truyền thống, các sản phẩm truyền thông điện tử*
- 4.5 *Năng lực vận hành, khai thác hệ thống sản xuất.*
5. Phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:
- 5.1 Có trình độ lý luận chính trị theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 5.2 Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng-An ninh theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3 Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa

- **Thời gian đào tạo theo thiết kế: 4 năm** (8 học kỳ chính). Theo quy chế đào tạo, để hoàn thành chương trình sinh viên có thể rút ngắn tối đa 3 học kỳ hoặc kéo dài tối đa 5 học kỳ.
- **Khối lượng kiến thức toàn khoá: 128** tín chỉ (TC)

4 Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh tốt nghiệp phổ thông trúng tuyển kỳ thi đại học khối A vào nhóm ngành phù hợp của Trường ĐHBK Hà Nội theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Người đã tốt nghiệp đại học các ngành khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo những quy định cụ thể của Trường ĐHBK Hà Nội.

5 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp áp dụng *Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ* của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

6 Thang điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng cho điểm thành phần (điểm tiện ích) của học phần.

| | Thang điểm 10 | Thang điểm 4 | |
|-----------|-------------------|--------------|---------|
| | (điểm thành phần) | Điểm chữ | Điểm số |
| Điểm đạt* | từ 9,5 đến 10 | A+ | 4,0 |
| | từ 8,5 đến 9,4 | A | 4,0 |
| | từ 8,0 đến 8,4 | B+ | 3,5 |
| | từ 7,0 đến 7,9 | B | 3,0 |
| | từ 6,5 đến 6,9 | C+ | 2,5 |
| | từ 5,5 đến 6,4 | C | 2,0 |
| | từ 5,0 đến 5,4 | D+ | 1,5 |
| Không đạt | Dưới 4,0 | D | 1,0 |
| | | F | 0 |

* Riêng TTTN và ĐATN: Điểm tổng kết học phần từ C trở lên mới được coi là đạt.

7 Nội dung chương trình

7.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

| TT | PHẦN CHƯƠNG TRÌNH | KHỐI LƯỢNG (Tín chỉ, TC) | GHI CHÚ |
|------------|-------------------------------------|-----------------------------|---|
| 1 | Giáo dục đại cương | 50 | |
| 1.1 | Toán và khoa học cơ bản | 34 | 26 chung khối ngành kỹ thuật+8 ngành Kỹ thuật in và truyền thông |
| 1.2 | Lý luận chính trị | 10 | Theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 1.3 | Giáo dục thể chất | (5) | |
| 1.4 | Giáo dục quốc phòng-an ninh | (10TC hay 165 tiết) | |
| 1.5 | Tiếng Anh (TOEIC I và TOEIC II) | 6 TC | |
| 2 | Giáo dục chuyên nghiệp | 80 | |
| 2.1 | Cơ sở và cốt lõi của ngành | 45 | Trong đó 3 TC đồ án |
| 2.2 | Tự chọn theo định hướng | 19 | SV tự chọn định hướng nào thì phải học tất cả học phần quy định cho định hướng đó |
| 2.3 | Tự chọn tự do | 8 | Chọn trong danh sách do Viện KTHH phê duyệt |
| 2.4 | Thực tập kỹ thuật | 2 | Đăng ký thực hiện 4 tuần trong thời gian hè từ trình độ năm thứ 3 |
| 2.5 | Đồ án tốt nghiệp cử nhân | 6 | Thực hiện khi chỉ còn thiếu không quá 10 TC |
| | Tổng khối lượng chương trình | 130 | |

ĐỊNH HƯỚNG: KỸ THUẬT IN

| | | | | | | | |
|---------------|--|--|--|--|--|---|--|
| HK1 (16TC) | ML 1140 (4TC) Đại số | ML 1110 (4TC) Giải tích I | PH 1110 (3TC) Vật lý I | FL 1101 (3TC) TA TOEIC I | SSH1110 (2TC) CN Mác Lê NinI | | |
| HK2 (17TC) | ML 1130 (3TC) Giải tích III | ML 1120 (3TC) Giải tích II | PH 1120 (3TC) Vật lý II | FL 1102 (3TC) TA TOEIC II | SSH1120 (3TC) CN Mác Lê NinII | EM1010 (2TC) Quản trị học đại cương | |
| HK3 (17TC) | CH3129 (2TC) Hóa học vô cơ (in) | CH3227(2TC) Hóa học hữu cơ (in) | CH3006 (3TC) Hóa lý | CH3007 (1TC) Thí nghiệm Hóa lý | ME2015(3TC) Đồ hoạ kỹ thuật cơ bản | IT1110 (4TC) Tin học đại cương | SSH1050 (2TC) Tư tưởng Hồ Chí Minh |
| HK4 (16TC) | CH3600 (4TC) Nhập môn KT in và truyền thông | IT3087 (3TC) Máy tính & mạng MT | CH3610 (3TC) Lý thuyết màu | CH3620 (3TC) LT phục chế hình ảnh | SSH1130 (3TC) Đường lối CM của Đảng CSVN | | |
| HK5 (15TC) | CH3630 (3TC) Vật liệu ngành in | ME3010(3TC) Cơ học kỹ thuật | EE3339(3TC) Đ khiển và tự động hóa QT SX | CH3640(4TC) KT chế bản điện tử | CH4682(2TC) Anh văn chuyên ngành | | |
| HK6 (16TC) | CH4664(3TC) Kỹ thuật xuất dữ liệu và chế khuôn in | CH4666(3TC) Kỹ thuật in I | CH4668(2TC) Kỹ thuật in II | CH3690(3TC) Đồ án (TK QT CNSX) | ME3060(3TC) Nguyên lý máy | Tự chọn tự do (2TC) | |
| HK7 (18TC) | CH4700 (3TC) Hoàn thiện SP in | CH4674(2TC) Tổ chức và quản lý sản xuất in | CH4701(3TC) Đồ án tổ chức SX in | CH4702 (3TC) Thí nghiệm CN kỹ thuật in | CH4684 (3TC) Kiểm soát CL in | CH4692 (2TC) Thực tập kỹ thuật | Tự chọn tự do (2TC) |
| HK8 (15TC) | CH4716 (3TC) Cơ sở TK nhà máy in | CH4672 (2TC) An toàn LĐ và MT trong ngành in | Tự chọn tự do (4TC) | CH4902(6TC) Đồ án TN cử nhân | | | |

 Học phần toán và khoa học cơ bản
 HP Anh văn và Lý luận chính trị
 Học trước các HP cốt lõi và TC
 Học sau các HP cốt lõi ngành

ĐỊNH HƯỚNG: KỸ THUẬT ĐỒ HOẠ TRUYỀN THÔNG

| | | | | | | | |
|---------------|---|---|---|---|--|--|--|
| HK1 (16TC) | ML 1140 (4TC) Đại số | ML 1110 (4TC) Giải tích I | PH 1110 (3TC) Vật lý I | FL 1101 (3TC) TA TOEIC I | SSH 1110 (2TC) CN Mác Lê NinI | | |
| HK2 (17TC) | ML 1130 (3TC) Giải tích III | ML 1120 (3TC) Giải tích II | PH 1120 (3TC) Vật lý II | FL 1102 (3TC) TA TOEIC II | SSH 1120 (3TC) CN Mác Lê NinII | EM 1010 (2TC) Quản trị học đại cương | |
| HK3 (17TC) | CH3129 (2TC) Hóa học vô cơ (in) | CH3227(2TC) Hóa học hữu cơ (in) | CH3006 (3TC) Hóa lý | CH3007 (1TC) Thí nghiệm Hóa lý | ME2015(3TC) Đồ họa kỹ thuật cơ bản | IT1110 (4TC) Tin học đại cương | SSH1050 (2TC) Tư tưởng Hồ Chí Minh |
| HK4 (16TC) | CH3600 (4TC) Nhập môn KT in và truyền thông | IT3087 (3TC) Máy tính & mạng MT | CH3610 (3TC) Lý thuyết màu | CH3620 (3TC) LT phục chế hình ảnh | SSH1130 (3TC) Đường lối CM của Đảng CSVN | | |
| HK5 (15TC) | CH3630 (3TC) Vật liệu ngành in | ME3010(3TC) Cơ học kỹ thuật | EE3339(3TC) Đ khiển và tự động hóa QT SX | CH3640(4TC) KT chế bản điện tử | CH4682(2TC) Anh văn chuyên ngành | | |
| HK6 (16TC) | CH4664(3TC) Kỹ thuật xuất dữ liệu và chế khuôn in | CH4666(3TC) Kỹ thuật in I | CH4668(2TC) Kỹ thuật in II | CH3690(3TC) Đồ án (TK QTCN SX) | ME3060(3TC) Nguyên lý máy | Tự chọn tự do (2TC) | |
| HK7 (18TC) | CH4710 (3TC) Thiết kế đồ họa | CH4662 (3TC) KT xử lý ảnh | CH4711 (3TC) Đồ án thiết kế sản phẩm truyền thông | CH4712(2TC) Thí nghiệm CN KT đồ họa | CH4713 (3TC) Thiết kế, trình bày sản phẩm in truyền thông | CH4692 (2TC) Thực tập kỹ thuật | Tự chọn tự do (2TC) |
| HK8 (14TC) | CH4715(3TC) Thiết kế trình bày bao bì | CH4714 (2TC) Hệ thống quản lý màu | Tự chọn tự do (4TC) | CH4902 (6TC) Đồ án TN cử nhân | | | |

Học phần toán và
khoa học cơ bản

HP Anh văn và Lý
luận chính trị

Học trước các HP
cốt lõi và TC

7.2 Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo

7.2.1 Danh mục học phần chung khối kỹ thuật

| TT | MÃ SỐ | TÊN HỌC PHẦN | KHỐI LƯỢNG | KỲ HỌC THEO KH CHUẨN | | | | | | | | | |
|-------------|----------------|------------------------------------|---------------|----------------------|-----------|----------|----------|---|---|---|---|--|--|
| | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | |
| | | Lý luận chính trị | 10 TC | | | | | | | | | | |
| 1 | SSH1110 | Những NLCB của CN Mác-Lênin I | 2(2-1-0-4) | 2 | | | | | | | | | |
| 2 | SSH1120 | Những NLCB của CN Mác-Lênin II | 3(3-0-0-6) | | 3 | | | | | | | | |
| 3 | SSH1050 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2(2-0-0-4) | | | 2 | | | | | | | |
| 4 | SSH1130 | Đường lối CM của Đảng CSVN | 3(3-0-0-6) | | | | 3 | | | | | | |
| | | Giáo dục thể chất | (5TC) | | | | | | | | | | |
| 5 | PE1010 | Giáo dục thể chất A | 1(0-0-2-0) | x | | | | | | | | | |
| 6 | PE1020 | Giáo dục thể chất B | 1(0-0-2-0) | | x | | | | | | | | |
| 7 | PE1030 | Giáo dục thể chất C | 1(0-0-2-0) | | | x | | | | | | | |
| 8 | PE2010 | Giáo dục thể chất D | 1(0-0-2-0) | | | | x | | | | | | |
| 9 | PE2020 | Giáo dục thể chất E | 1(0-0-2-0) | | | | | x | | | | | |
| | | Giáo dục quốc phòng-an ninh | (10TC) | | | | | | | | | | |
| 10 | MIL1110 | Đường lối quân sự của Đảng | 3(3-0-0-6) | x | | | | | | | | | |
| 11 | MIL1120 | Công tác quốc phòng-an ninh | 3(3-0-0-6) | | x | | | | | | | | |
| 12 | MIL1130 | QS chung và KCT bắn súng AK | 4(3-1-1-8) | | | x | | | | | | | |
| | | Ngoại ngữ (K54) | 6TC | | | | | | | | | | |
| 13 | FL1101 | Tiếng Anh TOEIC I | 3(0-6-0-6) | 3 | | | | | | | | | |
| 14 | FL1102 | Tiếng Anh TOEIC II | 3(0-6-0-6) | | 3 | | | | | | | | |
| | | Ngoại ngữ (K55) | 6TC | | | | | | | | | | |
| 13 | FL1100 | Tiếng Anh Pre-TOEIC | 3(0-6-0-6) | 3 | | | | | | | | | |
| 14 | FL1101 | Tiếng Anh TOEIC I | 3(0-6-0-6) | | 3 | | | | | | | | |
| | | Toán và khoa học cơ bản | 26 TC | | | | | | | | | | |
| 15 | MI1110 | Giải tích I | 4(3-2-0-8) | 4 | | | | | | | | | |
| 16 | MI1120 | Giải tích II | 3(2-2-0-6) | | 3 | | | | | | | | |
| 17 | MI1130 | Giải tích III | 3(2-2-0-6) | | 3 | | | | | | | | |
| 17 | MI1140 | Đại số | 4(3-2-0-8) | 4 | | | | | | | | | |
| 18 | PH1110 | Vật lý I | 3(2-1-1-6) | 3 | | | | | | | | | |
| 19 | PH1120 | Vật lý II | 3(2-1-1-6) | | 3 | | | | | | | | |
| 20 | EM1010 | Quản trị học đại cương | 2(2-0-0-4) | | 2 | | | | | | | | |
| 21 | IT1110 | Tin học đại cương | 4(3-1-1-8) | | | 4 | | | | | | | |
| CỘNG | | | 42TC | 16 | 17 | 6 | 3 | | | | | | |

Ghi chú:

- Yêu cầu về Tiếng Anh:** SV có điểm TOEIC từ 250 được miễn Tiếng Anh Pre-TOEIC, từ 300 được miễn Tiếng Anh TOEIC I. Trước khi làm ĐATN, SV phải đạt 450 TOEIC.
- Các học phần GDTC và GDQP:** có chứng chỉ riêng, không xét trong tổng khối lượng kiến thức cho một chuyên ngành đào tạo và trong tính điểm trung bình chung của sinh viên. Thời gian học và nội dung theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2.2 Danh mục học riêng ngành Kỹ thuật in và truyền thông

| TT | MÃ SỐ | TÊN HỌC PHẦN | KHỐI LƯỢNG | KỶ HỌC THEO KH CHUẨN | | | | | | | | | |
|----|-------------|---|--------------|----------------------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---|---|
| | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | |
| | | Bổ sung toán và khoa học cơ bản | 8 TC | | | | | | | | | | |
| 1 | CH3129 | Hoá học vô cơ (KT in) | 2(2-1-0-4) | | | 2 | | | | | | | |
| 2 | CH3227 | Hoá học hữu cơ (KT in) | 2(2-1-0-4) | | | 2 | | | | | | | |
| 3 | CH3006 | Hoá lý | 3(3-1-0-6) | | | 3 | | | | | | | |
| 4 | CH3007 | Thí nghiệm Hoá lý | 1(0-0-2-2) | | | 1 | | | | | | | |
| 4 | | Cơ sở và cốt lõi ngành | 45 TC | | | | | | | | | | |
| 5 | ME2015 | Đồ họa kỹ thuật cơ bản | 3 (3-1-0-6) | | | 3 | | | | | | | |
| 6 | CH3600 | Nhập môn Kỹ thuật in và truyền thông | 4(3-1-1-8) | | | | 4 | | | | | | |
| 7 | IT3087 | Máy tính và mạng máy tính | 3(2-0-2-6) | | | | 3 | | | | | | |
| 8 | CH3610 | Lý thuyết màu | 3(2-2-0-6) | | | | 3 | | | | | | |
| 9 | CH3620 | Lý thuyết phục chế hình ảnh | 3(2-2-0-6) | | | | 3 | | | | | | |
| 10 | CH3630 | Vật liệu ngành in | 3(2-2-0-6) | | | | | 3 | | | | | |
| 12 | EE3339 | Điều khiển và tự động hóa QT SX | 3(3-1-0-6) | | | | | 3 | | | | | |
| 13 | ME2040 | Cơ học kỹ thuật | 3(3-1-0-6) | | | | | 3 | | | | | |
| 14 | CH3640 | Kỹ thuật chế bản điện tử | 4(3-1-1-8) | | | | | 4 | | | | | |
| 15 | CH4682 | Anh văn chuyên ngành | 2(1-2-0-4) | | | | | 2 | | | | | |
| 16 | ME3060 | Nguyên lý máy | 3(3-1-0-6) | | | | | | 3 | | | | |
| 17 | CH4664 | Kỹ thuật xuất dữ liệu và chế khuôn in | 3(2-1-1-6) | | | | | | 3 | | | | |
| 18 | CH4666 | Kỹ thuật in I | 3(3-1-0-6) | | | | | | 3 | | | | |
| 19 | CH4668 | Kỹ thuật in II | 2(2-1-0-4) | | | | | | | 2 | | | |
| 20 | CH3690 | Đồ án (TK qui trình công nghệ sản xuất một ấn phẩm) | 3(0-0-6-6) | | | | | | | 3 | | | |
| | | Tự chọn theo định hướng | | | | | | | | | | | |
| | | Định hướng 1: Kỹ thuật in | 19 TC | | | | | | | | | | |
| 21 | CH4700 | Hoàn thiện sản phẩm in | 3(3-0-1-6) | | | | | | | | 3 | | |
| 22 | CH4674 | Tổ chức và quản lý sản xuất in | 2(2-1-0-4) | | | | | | | | 2 | | |
| 23 | CH4701 | Đồ án tổ chức sản xuất in | 3(0-0-6-6) | | | | | | | | 3 | | |
| 24 | CH4702 | Thí nghiệm chuyên ngành kỹ thuật in | 3(0-0-6-6) | | | | | | | | 3 | | |
| 25 | CH4684 | Kiểm soát chất lượng in | 3(2-2-0-6) | | | | | | | | 3 | | |
| 26 | CH4716 | Cơ sở thiết kế nhà máy in | 3(3-1-0-6) | | | | | | | | | 3 | |
| 27 | CH4672 | An toàn lao động và môi trường trong ngành in | 2(2-1-0-4) | | | | | | | | | | 2 |
| | | Định hướng 2 - Kỹ thuật đồ họa truyền thông | 19 TC | | | | | | | | | | |
| 28 | CH4710 | Thiết kế đồ họa | 3(2-2-0-6) | | | | | | | | | 3 | |
| 29 | CH4662 | KT xử lý ảnh | 3(2-1-1-6) | | | | | | | | | 3 | |
| 30 | CH4712 | Thí nghiệm CN KT đồ họa | 2(0-0-4-4) | | | | | | | | | 2 | |
| 32 | CH4713 | Thiết kế, trình bày sản phẩm in truyền thông | 3(1-3-0-6) | | | | | | | | | 3 | |
| 28 | CH4711 | Đồ án thiết kế sản phẩm truyền thông | 3(0-0-6-6) | | | | | | | | | 3 | |
| 31 | CH4714 | Hệ thống quản lý màu | 2(2-1-0-4) | | | | | | | | | | 2 |
| 32 | CH4715 | Thiết kế trình bày bao bì | 3(2-2-0-6) | | | | | | | | | | 3 |
| | | Tự chọn tự do | 8 TC | | | | | | | | 2 | 2 | 4 |
| | CH4692 | Thực tập kỹ thuật | 2 TC | | | | | | | | | 2 | |
| | CH4902 | Đồ án tốt nghiệp cử nhân | 6 TC | | | | | | | | | | 6 |
| | CỘNG | | 88 | 0 | 0 | 11 | 13 | 15 | 16 | 18 | 15 | | |

8 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

8.1 Ngoại ngữ

FL1101 TIẾNG ANH TOEIC I

3(0-6-0-6)

Điều kiện học phần: Sinh viên đã hoàn thành chương trình tiếng Anh cấp cơ sở (Elementary) tương đương TOEIC 250 trong bài kiểm tra phân loại đầu vào

Mục tiêu: Cuối học phần sinh viên đạt được:

- Nâng trình độ tiếng Anh lên mức tương đương 290 điểm TOEIC.
- Phát triển cả bốn kỹ năng ngôn ngữ.
- Phát triển các kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt các bài kiểm tra TOEIC.
- Phát triển vốn từ vựng trong các tình huống thường gặp hàng ngày và trong môi trường làm việc
- Nâng cao hiểu biết về các hiện tượng ngữ pháp thông dụng.
- Làm quen với các kí hiệu phiên âm quốc tế nhằm nâng cao khả năng phát âm tiếng Anh chuẩn.

Nội dung: Học phần dành cho những sinh viên đã hoàn thành chương trình học tiếng Anh ở trường phổ thông trung học, tương ứng trình độ cơ sở, hoặc tương ứng mức 250 điểm TOEIC. Học phần giúp sinh viên tiếp cận với việc giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các kỹ năng kết hợp bao gồm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và ngữ pháp cơ bản trong giáo trình New Headway – Pre Intermediate. Khóa học còn giúp sinh viên làm quen các chiến lược hữu ích giúp sinh viên tiếp cận những nguyên tắc thông thường trong một bài kiểm tra TOEIC. Ngoài ra, chương trình học còn bao gồm các bài tập phụ trợ cho kỹ năng nghe và đọc dựa trên hình thức đề thi TOEIC giúp sinh viên được thực hành những chiến lược làm bài.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

FL1102 TIẾNG ANH TOEIC II

3(0-6-0-6)

Điều kiện học phần: Đã học FL1101 hoặc có chứng chỉ tiếng Anh tương đương 290 TOEIC

Mục tiêu: Cuối học phần sinh viên đạt được sau:

- Nâng trình độ tiếng Anh lên mức tương đương 330 điểm TOEIC.
 - Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ.
 - Phát triển các kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt các bài kiểm tra TOEIC.
 - Phát triển vốn từ vựng trong các tình huống thường gặp hàng ngày và trong môi trường làm việc
 - Phát triển khả năng làm việc độc lập, theo cặp, theo nhóm
 - Hiểu thêm về các nền văn hóa khác nhau
- Cuối học phần sinh viên đạt được:

Nội dung: Học phần dành cho những sinh viên đã hoàn thành chương trình học tiếng Anh trình độ cơ sở/ trung cấp cấp thấp. Học phần giúp sinh viên tiếp cận với tiếng Anh thông qua các kỹ năng kết hợp bao gồm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và ngữ pháp cơ bản trong 6 bài của giáo trình New Headway Pre, 3rd edition. Khóa học còn đưa ra các chiến lược hữu ích giúp sinh viên tiếp cận những nguyên tắc thông thường trong một bài kiểm tra TOEIC. Các bài tập phụ trợ cho kỹ năng nghe và đọc dựa trên kiểm tra TOEIC giúp sinh viên được thực hành trực tiếp những trọng tâm đề ra.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

8.2 Toán và khoa học cơ bản

MI1110 GIẢI TÍCH I

4(3-2-0-8)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm số một biến số và nhiều biến số. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể học tiếp các học phần sau về Toán cũng như các môn học kỹ thuật khác, góp phần tạo nên nền tảng Toán học cơ bản cho kỹ sư các ngành công nghệ và kinh tế.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

MI1120 GIẢI TÍCH II

3(2-2-0-6)

Học phần học trước: MI1110 Giải tích I

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tích phân phụ thuộc tham số, Tích phân bội hai và bội ba, Tích phân đường và mặt, Ứng dụng của phép tính vi phân vào hình học, Lý thuyết trường. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể học tiếp các học phần sau về Toán cũng như các môn học kỹ thuật khác, góp phần tạo nên nền tảng Toán học cơ bản cho kỹ sư các ngành công nghệ và kinh tế.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

MI1130 GIẢI TÍCH III

3(2-2-0-6)

Học phần học trước: MI1110 Giải tích I

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Chuỗi số, Chuỗi hàm, Chuỗi lũy thừa, Chuỗi Fourier, cùng với những kiến thức cơ sở về Phương trình vi phân cấp một, Phương trình vi phân cấp hai và phần tối thiểu về Hệ phương trình vi phân cấp một. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể học tiếp các học phần sau về Toán cũng như các môn học kỹ thuật khác, góp phần tạo nên nền tảng Toán học cơ bản cho kỹ sư các ngành công nghệ và kinh tế.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

MI1140 ĐẠI SỐ

4(3-2-0-8)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lý thuyết ma trận, Định thức và Hệ phương trình tuyến tính theo quan điểm tư duy cấu trúc và những kiến thức tối thiểu về logic, Tập hợp, Ánh xạ, Trường số phức và các ý tưởng đơn giản về đường bậc hai, mặt bậc hai. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể học tiếp các học phần sau về Toán cũng như các môn học kỹ thuật khác, góp phần tạo nên nền tảng Toán học cơ bản cho kỹ sư các ngành công nghệ và kinh tế.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

PH1110 VẬT LÝ I

3(2-1-1-6)

Điều kiện học phần: kiến thức Vật lý phổ thông

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Vật lý đại cương (Cơ học, Nhiệt học), làm cơ sở cho sinh viên học các môn kỹ thuật.

Nội dung: Các đại lượng vật lý cơ bản và những quy luật liên quan như: Động lượng, các định lý và định luật về động lượng; mômen động lượng, các định lý và định luật về mômen động lượng; động năng, thế năng, định luật bảo toàn cơ năng. Vận dụng xét chuyển động quay vật rắn, dao động và sóng cơ. Thuyết động học phân tử sử dụng thống kê giải thích và tính các lượng: nhiệt độ, áp suất, nội năng (khí lý tưởng). Vận dụng định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng vào các quá trình chuyển trạng thái nhiệt. Xét chiều diễn biến của các quá trình nhiệt, nguyên lý tăng entropi.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

PH1120 VẬT LÝ II

3(2-1-1-6)

Học phần học trước: MI1110 hoặc tương đương

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Vật lý đại cương (Điện từ), làm cơ sở cho sinh viên học các môn kỹ thuật.

Nội dung: Các loại trường: Điện trường, từ trường; các tính chất, các đại lượng đặc trưng (cường độ, điện thế, từ thông,...) và các định lý, định luật liên quan. Ảnh hưởng qua lại giữa trường và chất. Quan hệ giữa từ trường và điện trường, trường điện từ thống nhất. Vận dụng xét dao động và sóng điện từ.

Đánh giá kết quả: **KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)**

IT1110 TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

4(3-1-1-8)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc và tổ chức máy tính, lập trình máy tính và cơ chế thực hiện chương trình, kỹ năng cơ bản để sử dụng máy tính hiệu quả trong học tập, nghiên cứu và làm việc trong các ngành kỹ thuật, công nghệ.

Nội dung: Tin học căn bản: Biểu diễn thông tin trong máy tính. Hệ thống máy tính. Hệ điều hành Linux. Lập trình bằng ngôn ngữ C: Tổng quan về ngôn ngữ C. Kiểu dữ liệu, biểu thức và cấu trúc lập trình trong C. Các kiểu dữ liệu phức tạp: con trỏ, mảng và xâu trong C. Mảng. Cấu trúc. Tập dữ liệu.

Đánh giá kết quả: **KT/BT(0.5)-T(TN/TL:0.5)**

CH3129 HOÁ HỌC VÔ CƠ (KT IN)

2(2-1-0-4)

Mục tiêu: Sinh viên hiểu được cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hoá học, các qui luật cơ bản của hoá học để có thể vận dụng các kiến thức hoá học cơ bản trong quá trình học các môn học khác và nghiên cứu điều khiển, kiểm soát các quá trình hoá học xảy ra trong in ấn.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về hoá học ở trình độ đại học: cấu tạo nguyên tử, phân tử và liên kết hoá học. Trang bị các kiến thức về nhiệt động và động học các quá trình hoá học. Nghiên cứu các tính chất lí, hoá của các nguyên tố và các hợp chất thuộc các nhóm A, nhóm B của hệ thống tuần hoàn. Các phương pháp điều chế và ứng dụng của các đơn chất và hợp chất vô cơ.

Đánh giá kết quả:

Điểm môn học bao gồm 2 phần là: điểm thi cuối kỳ và điểm quá trình.

- Điểm quá trình (bài tập của học phần + kiểm tra giữa kỳ): trọng số 0,3.
- Thi cuối kỳ (tự luận + trắc nghiệm): trọng số 0,7.

CH3227 HOÁ HỮU CƠ (KT IN)

2(2-1-0-4)

Mục tiêu: Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về cấu trúc, liên kết hóa học và các hiệu ứng trong các hợp chất cơ; tìm hiểu tính chất và phương pháp điều chế một số hợp chất hữu cơ quan trọng để từ đó có thể tiếp thu các kiến thức về vật liệu in và mối liên hệ của vật liệu với chất lượng quá trình in.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết Hoá Hữu cơ, mối liên quan giữa cấu tạo và khả năng phản ứng các hợp chất hữu cơ; phương pháp điều chế và tinh chế các hợp chất hữu cơ quan trọng nhất

Đánh giá kết quả:

- Điểm quá trình: trọng số 0,25
- Thi kết thúc học phần: trọng số 0,75
- Đánh giá điểm quá trình trên cơ sở kết quả kiểm tra thường kỳ và tham khảo điểm chuyên cần (sự đi nghe giảng, dự lớp đầy đủ).

- Tổ chức thi viết hoặc trắc nghiệm hoặc vấn đáp cuối Học kỳ với sự tham gia của Bộ môn để đảm bảo sự đánh giá chính xác, công bằng và khách quan.

CH3006 HOÁ LÝ (KT IN)

3(3-1-0-6)

Mục tiêu: trang bị các kiến thức hoá lý cơ bản và hiện đại làm nền tảng để tiếp thu các kiến thức trong các học phần tiếp theo đồng thời làm cơ sở để phân tích kiểm soát, điều khiển các quá trình hoá lý xảy ra trong in.

Nội dung: Nhiệt động hóa học: Cơ sở của nhiệt động hóa học, cân bằng hóa học, cân bằng pha và dung dịch. Điện hóa học: Điện hóa học: dung dịch các chất điện ly; pin và điện cực: thế điện cực, các loại điện cực, pin điện hóa, các phương trình nhiệt động cơ bản cho hệ điện hóa. Động học-xúc tác Động học hình thức, động học các phản ứng đơn giản bậc 1,2,3 và n; Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng, năng lượng hoạt hóa, Xúc tác, động học phản ứng xúc tác đồng thể. Động học các quá trình dị thể

Hấp phụ - Hóa keo: các hiện tượng bề mặt và hấp phụ, những khái niệm cơ bản về hệ phân tán; các tính chất của dung dịch keo: tính chất động học phân tử, tính chất quang học, tính chất điện học, tính chất cơ học cấu tạo của hệ keo; các phương pháp điều chế và làm sạch hệ keo; các hệ bán keo và phân tán thô

Đánh giá kết quả:

- Điểm quá trình (trọng số 0.3) = KT giữa kỳ + điểm chuyên cần.
 - + Kiểm tra giữa kỳ 1 lần tự luận.
 - + Điểm chuyên cần = 1, 0, -1, -2 tùy theo số lần vắng mặt là 0, 1-2 lần, 3-4 lần hoặc từ 5 lần.
- Thi cuối kỳ (trọng số 0.7): Thi viết.

CH3007 THÍ NGHIỆM HOÁ LÝ (KT IN)

1(0-0-2-2)

Học phần song hành: CH3006 (Hóa lý)

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cần thiết trong xác định các thông số hóa lý. Bên cạnh đó, củng cố phần lý thuyết Hóa lý đã được đào tạo.

Nội dung: Thực hiện các bài thí nghiệm sau

Bài 1: Áp suất hơi bão hòa; Bài 2: Định luật phân bố; Bài 3: Khảo sát động học phản ứng thủy phân etyl axetat; Bài 4: Hấp phụ; Bài 5: Độ dẫn điện; Bài 6: Điều chế keo và keo tụ

Đánh giá kết quả:

- Giữa kỳ (0.3): Sinh viên làm thí nghiệm Hóa lý được đánh giá kết quả qua các bước:
 - Kiểm tra việc chuẩn bị thí nghiệm, quá trình thực hành, Chấm báo cáo thí nghiệm
- Thi cuối kỳ (0.7) Trắc nghiệm hoặc tự luận

8.3 Cơ sở cốt lõi ngành

ME2015 ĐỒ HỌA KỸ THUẬT CƠ BẢN

3 (3-1-0-6)

Học phần học trước:

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hình học chiếu (là nền tảng của vẽ kỹ thuật) và vẽ kỹ thuật cơ bản

Nội dung: Phần Hình học: phép chiếu, biểu diễn các đối tượng hình học, hình chiếu phụ và xác định hình thật; giao của các đối tượng; Phần Vẽ kỹ thuật cơ bản: các tiêu chuẩn trong vẽ kỹ thuật, kỹ thuật vẽ phẳng, hình chiếu, hình cắt, mặt cắt, hình chiếu trục đo, đọc hiểu 2D sang 3D, vẽ các chi tiết ghép và mối ghép, vẽ lắp đơn giản.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

CH3600 NHẬP MÔN KỸ THUẬT IN VÀ TRUYỀN THÔNG

4(3-1-1-8)

Mục tiêu: Tạo môi trường học kết hợp với tham quan thực tiễn để sinh viên tiếp cận và nhận thức về đặc điểm ngành nghề, các yêu cầu của công việc sau khi ra trường. Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng chuyên nghiệp và xã hội, hình thành phương pháp tự học và làm việc theo nhóm

Nội dung: Giới thiệu về ngành công nghiệp in và kỹ thuật đa truyền thông bằng hình ảnh, những sản phẩm và phương pháp in chính, các bước công nghệ để tạo ra 1 ấn phẩm. Tham quan một số cơ sở in. Thảo luận và làm việc theo nhóm để tìm hiểu về các mô hình in

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)- T(TN/TL:0.75)

- Điểm quá trình: trọng số 0.25
 - Tham gia thảo luận (0.1)
 - Tham quan thực tế đầy đủ và viết báo cáo (0.1).
 - Kiểm tra giữa kỳ (0.1)
- Thi cuối kỳ (trắc nghiệm): trọng số 0.75

IT3087 MÁY TÍNH VÀ MẠNG MÁY TÍNH

3(2-0-2-6)

Học phần học trước: Tin học đại cương IT1110

Mục tiêu : sinh viên nắm được cấu trúc máy tính, mạng máy tính, các hệ điều hành

Nội dung: Môn học nhằm cung cấp những kiến thức căn bản về cấu trúc máy tính, mạng máy tính và các loại hệ điều hành mạng giúp sinh viên có hiểu biết tổng quát về cách sử dụng máy tính, cách thức thiết lập một mạng LAN phục vụ cho công tác chế bản, kết nối dữ liệu khách hàng - bộ phận chế bản – In – sau in.

Đánh giá kết quả:

- Điểm quá trình: trọng số chiếm 0,3.
- Kiểm tra cuối kỳ: trọng số chiếm 0,7

CH3610 LÝ THUYẾT MÀU

3(2-2-0-6)

Mục tiêu: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về các hiện tượng màu, cơ chế tạo ra những chất màu và các phương pháp đo đặc thể hiện màu. Giúp sinh viên tìm hiểu kỹ thuật tái tạo màu và phương pháp đánh giá các đặc tính màu sắc trong công nghệ in.

Nội dung: Nội dung chương trình gồm các kiến thức cơ bản về quang học, sinh học và hoá học tạo nên hiện tượng màu và ứng dụng các lý thuyết về màu sắc trong công nghệ phục chế màu bằng phương pháp in ấn.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(VĐ/TL:0.75)

- Điểm quá trình (trọng số 0.4) = (KT giữa kỳ*0.6 + thảo luận *0.4) + điểm chuyên cần
 - Kết quả thảo luận đánh giá dựa trên số buổi tham dự và chất lượng tham gia thảo luận
 - Kiểm tra giữa kỳ 1 lần (tự luận 30 phút)
 - Điểm chuyên cần = 1, 0, -1, -2 tùy theo số lần vắng mặt là 0, 1-2 lần, 3-4 lần hoặc từ 5 lần.
- Thi cuối kỳ (trọng số 0.6): Thi vấn đáp hoặc tự luận

CH3620 LÝ THUYẾT PHỤC CHẾ HÌNH ẢNH

3(2-2-0-6)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở để phục chế bài mẫu trong ngành in. Những nguyên lý cơ bản để phục chế bài mẫu đen trắng, bài mẫu màu phục vụ cho công đoạn chế bản in bằng phương pháp truyền thống cũng như hiện đại. Lý thuyết của quá trình phục chế ảnh bằng phương pháp

trạm hoá và in chồng các lớp màu cũng như các máy móc và thiết bị sử dụng trong các quá trình phục chế ảnh bằng kỹ thuật quang cơ cũng như điện tử - kỹ thuật số.

Nội dung: Các loại bài mẫu. Cơ sở lý thuyết quá trình chuyển đổi hình ảnh của các vật liệu nhạy sáng. Phục chế ảnh đen trắng. Phục chế ảnh trên cơ sở trạm hoá hình ảnh. Phục chế ảnh trên cơ sở in chồng các lớp màu. Các máy và thiết bị chụp tách màu quang cơ và điện tử. Những sai sót của quá trình phục chế ảnh và cách khắc phục.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(TL:0.75)

- Điểm quá trình chiếm : 0,3
- Điểm thi cuối kỳ chiếm: 0,7

CH3630 VẬT LIỆU NGÀNH IN

3(2-2-0-6)

Mục tiêu: Sinh viên hiểu được yêu cầu kỹ thuật của vật liệu sử dụng cho các phương pháp công nghệ in và in trên các vật liệu nền in khác nhau, mối quan hệ giữa chất lượng của vật liệu và phương pháp sản xuất và ảnh hưởng của vật liệu đến chất lượng sản phẩm in. Từ đó sinh viên biết cách lựa chọn vật liệu phù hợp với từng sản phẩm in tương ứng với các loại hình công nghệ in khác nhau.

Nội dung: Nêu thành phần, tính chất, nguyên tắc xác định các chỉ tiêu chất lượng của các vật liệu chính sử dụng trong quá trình tạo ra sản phẩm in và các nguyên liệu sử dụng để chế tạo ra các vật liệu đó. Đồng thời giới thiệu quá trình sản xuất các vật liệu in, cách chọn lựa các vật liệu phù hợp với mục đích sử dụng và loại hình công nghệ in.

Đánh giá kết quả:

- Điểm quá trình : trọng số 0.25
- Làm đủ bài kiểm tra
- Thi cuối học kỳ : trọng số 0.75

EE3339 ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

3(3-1-0-6)

Học phần học trước:

Mục tiêu: Sinh viên nắm vững và vận dụng lý thuyết phân tích hệ thống, phương pháp mô hình hoá toán học để phân tích và thiết kế hệ điều khiển tự động trong công nghiệp

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để thiết kế, sử dụng các cơ cấu, thiết bị và hệ thống tự động trong việc tự động hoá quá trình sản xuất công nghiệp. Nội dung học phần đề cập đến những khái niệm căn bản về điều khiển, tự động hoá, về nguyên lý hoạt động và đặc điểm của các hệ thống điều khiển tự động trong công nghiệp, các thiết bị kiểm tra tự động.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TL:0.7)

ME2040 CƠ HỌC KỸ THUẬT

3(3-1-0-6)

Mục tiêu: Sinh viên nắm được kiến thức về xây dựng mô hình lực, lập phương trình cân bằng của hệ lực, hai bài toán cơ bản của động lực và các phương pháp cơ bản để giải chúng, phương trình chuyển động của máy.

Nội dung:

Phần 1. Tĩnh học: Xây dựng mô hình lực, thu gọn hệ lực phẳng, thành lập phương trình cân bằng của hệ lực phẳng tác dụng lên vật rắn và hệ vật rắn. Thu gọn hệ lực không gian. Phương trình cân bằng của hệ lực không gian. Trọng tâm vật rắn.

Phần 2. Động học: Các đặc trưng động học của vật rắn và các điểm thuộc vật. Công thức tính vận tốc và gia tốc đối với chuyển động cơ bản của vật rắn. Tổng hợp chuyển động điểm, chuyển động vật.

Phần 3. Động lực học: Động lực học chất điểm và cơ hệ. Các định luật Newton, các định lý tổng quát của động lực học, nguyên lý Đalămbe, phương pháp Tỉnh hình học - Động lực, phương trình chuyển động của máy.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TL:0.7)

CH3640 KỸ THUẬT CHẾ BẢN ĐIỆN TỬ

4(3-1-1-8)

Học phần học trước: Máy tính và mạng máy tính (IT3087)

Mục tiêu: Học phần cung cấp kiến thức cơ sở, giới thiệu quy trình công nghệ và hệ thống thiết bị chế bản kỹ thuật số để người học có thể tham gia sản xuất trong khâu đầu tiên của ngành kỹ thuật in.

Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên có khả năng:

- Nắm vững phần kiến thức cơ sở của chế bản kỹ thuật số.
- Làm quen với một số phần mềm quét, xử lý ảnh, dàn trang, bình bản điện tử.
- Thiết lập được quy trình chế bản số cho tới khi xuất dữ liệu.

Nội dung:

- Quy trình và các kỹ thuật cơ bản để thực hiện chế bản chữ và chế bản ảnh bao gồm thiết kế, biên tập, chỉnh sửa, trình bày, dàn trang, tách màu và quản lý màu.
- Các thiết bị trong hệ thống chế bản

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

- Điểm quá trình: trọng số 0.3
 - Các báo cáo bài tập, tham gia thảo luận trên lớp: 0,7 ;
 - Bài kiểm tra giữa kỳ (01 bài – 30 phút) không báo trước, được sử dụng tài liệu: 0,2
 - Điểm chuyên cần: 0,1
- Thi cuối kỳ : trọng số 0.7. Vấn đáp được chuẩn bị 10 phút trước khi lên trả lời. Viết tay 01 tờ A4. Tự luận 90 phút.

CH4682 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH

- 2(1-2-0-4)
- *Học phần học trước:* Nhập môn kỹ thuật in - Truyền thông CH3600
- **Mục tiêu:** sinh viên hiểu được các thuật ngữ anh văn cơ bản trong ngành kỹ thuật in và truyền thông và có thể mô tả, giải thích các quá trình cơ bản trong sản xuất in bằng tiếng Anh. Sau học phần, sinh viên đọc và hiểu sách ngoại ngữ chuyên ngành, tra cứu tài liệu tham khảo trong lúc học, làm đồ án tốt nghiệp và công tác thực tiễn.
- **Nội dung:**
 - Các bài đọc bằng tiếng anh trình bày các công đoạn của quá trình sản xuất in.
 - Các kiến thức ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học kỹ thuật
 - Các thuật ngữ cơ bản trong ngành kỹ thuật in truyền thông
 - Các bài tập thực hành ngữ pháp và các bài đọc thêm

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(TL:0.75)

- Điểm quá trình (trọng số 0.4) = (KT giữa kỳ*0.6 + thảo luận *0.4) + điểm chuyên cần
 - Kết quả thảo luận đánh giá dựa trên số buổi tham dự và chất lượng tham gia thảo luận
 - Kiểm tra giữa kỳ 1 lần (tự luận 30 phút)
- Điểm chuyên cần = 1, 0, -1, -2 tùy theo số lần vắng mặt là 0, 1-2 lần, 3-4 lần hoặc từ 5 lần.
- Thi cuối kỳ (trọng số 0.6): Thi tự luận

ME3060 NGUYỄN LÝ MÁY

3(3-1-0-6)

Học phần học trước:

Mục tiêu: Trang bị cho người học các kiến thức về cấu trúc và cấu tạo của các cơ cấu, những khái niệm cơ bản về tổng hợp, điều phối hoạt động giữa các cơ cấu thông dụng, máy và các hệ thống thiết bị hoạt động về mặt cơ học..., các phương pháp cơ bản để tính toán, phân tích và tổng hợp về mặt cấu trúc, hình động học, lực học, động lực học.

Nội dung: Gồm các phần cơ bản sau: Cấu trúc và xếp loại cơ cấu, phân tích động học, lực học cơ cấu, ma sát, các cơ cấu cam, bánh răng, chuyển động thực của máy, hiệu suất máy, cân bằng máy...

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.4)-T(TL:0.6)

CH4664 KỸ THUẬT XUẤT DỮ LIỆU VÀ CHẾ KHUÔN IN

3(2-1-1-6)

Mục tiêu: Học phần cung cấp các kiến thức cơ sở về bản chất hoá học các loại khuôn in, giới thiệu quy trình công nghệ, thiết bị in thử, ghi ra phim và ghi ra bản để người học có thể tham gia sản xuất trong khâu đầu tiên của ngành kỹ thuật in.

Yêu cầu:

- Nắm vững kiến thức cơ sở về bản chất của các loại khuôn in và quá trình hoá học diễn ra khi chế khuôn in.
- Nắm vững quy trình chế khuôn.
- Làm quen với một số phần mềm xuất dữ liệu trên các thiết bị đầu ra.

Nội dung: Trình bày quá trình in thử, kỹ thuật ghi phim và chế khuôn, kỹ thuật ghi bản kỹ thuật số và các thiết bị trong quá trình này. Quản lý các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(TN/TL:0.75)

- Điểm quá trình: trọng số 0.3
 - Quá trình thảo luận.
 - Hoàn thành đầy đủ các báo cáo theo nội dung được giao.
 - Kiểm tra giữa kỳ
- Thi cuối kỳ (trắc nghiệm và tự luận): trọng số 0.7

CH4666 KỸ THUẬT IN I

3(3-1-0-6)

Học phần học trước: Nhập môn Kỹ thuật in và truyền thông (CH3600)

Mục tiêu: Học phần cung cấp các kiến thức chuyên môn cho học viên để có thể tham gia sản xuất trong khâu thứ hai của ngành kỹ thuật in. Học viên được giới thiệu công nghệ và các thiết bị in offset, flexo, in lõm thông dụng trong các xưởng in hiện nay.

Yêu cầu:

- Nắm vững bản chất, quy trình công nghệ, phân biệt các loại sản phẩm in offset, flexo, in lõm...
- Nắm vững nguyên lý hoạt động và vận hành thiết bị in các loại
- Quản lý chất lượng sản phẩm in.

Nội dung: Trình bày về công nghệ và thiết bị in của các phương pháp in phổ biến hiện nay như offset, flexo, in lõm. Các sản phẩm và ứng dụng trong thực tế.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(TN/TL:0.75)

- Điểm quá trình: trọng số 0.25
 - Quá trình thảo luận.
 - Hoàn thành đầy đủ các báo cáo theo nội dung được giao.
 - Kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối kỳ (trắc nghiệm và tự luận): trọng số 0.75

CH4668 KỸ THUẬT IN II

2(2-1-0-4)

Mục tiêu: Học phần cung cấp các kiến thức chuyên môn về các phương pháp in kỹ thuật số để học viên tham gia sản xuất được trong lĩnh vực này.

Yêu cầu:

- Nắm vững nguyên lý hoạt động của các phương pháp in số
- Nắm vững đặc điểm cấu tạo của các thiết bị in số và quy trình công nghệ in số.

Nội dung:

- Các phương pháp in dựa trên công nghệ in không bản
- Nguyên lý hoạt động
- Đặc điểm cấu tạo
- Quá trình in

Đánh giá kết quả: KT/TL(0.25)-T(VĐ/TL:0.75)

- Điểm quá trình (trọng số 0.25) = (KT giữa kỳ*0.6 + thảo luận *0.4) + điểm chuyên cần
- Kết quả thảo luận đánh giá dựa trên số buổi tham dự và chất lượng tham gia thảo luận
- Kiểm tra giữa kỳ 1 lần (tự luận 30 phút)
- Điểm chuyên cần = 1, 0, -1, -2 tùy theo số lần vắng mặt là 0, 1-2 lần, 3-4 lần hoặc từ 5 lần.
- Thi cuối kỳ (trọng số 0.75): Thi vấn đáp hoặc tự luận

CH3690 ĐỒ ÁN THIẾT KẾ QUI TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT MỘT ẢN PHẨM

3(0-0-6-6)

Học phần học trước: Nhập môn kỹ thuật in - Truyền thông CH3600

Mục tiêu: Học phần trang bị cho học viên năng lực phân tích đặc điểm của đơn đặt hàng in để thiết kế quy trình sản xuất phù hợp nhằm mang lại hiệu quả kinh tế và chất lượng, thời gian như mong muốn.

Nội dung: sinh viên triển khai đồ án theo các nhiệm vụ chính như sau

- Phân tích đặc điểm của đơn đặt hàng để lựa chọn được phương pháp in, quy trình công nghệ và thiết bị sản xuất
- Tính toán lượng nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất
- Ước tính khối lượng công việc và thời gian hoàn thành sản xuất từng công đoạn.

Đánh giá kết quả: BT(0.3)-T(VĐ:0.7)

- Điểm quá trình: 0.3
- Bảo vệ: 0.7

8.4 Tự chọn định hướng Kỹ thuật in

CH4700 HOÀN THIỆN SẢN PHẨM IN

3(3-0-1-6)

Học phần học trước: Nhập môn KT in truyền thông CH3600

Mục tiêu: Sinh viên được trang bị những kiến thức về quy trình gia công sau in các loại ấn phẩm, các máy và thiết bị gia công sau in. Sau khi học xong học phần này, sinh viên biết cách thiết lập quy trình công nghệ gia công sau in một ấn phẩm cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm và khắc phục các sai hỏng trong quá trình gia công sản phẩm in.

Nội dung: Giới thiệu về kỹ thuật gia công sách và các loại văn hoá phẩm. Cách tính toán nguyên vật liệu cần thiết dùng để gia công. Các thiết bị cần thiết để gia công.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TL:0.7)

CH4674 TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ SẢN XUẤT IN

2(2-1-0-4)

Học phần học trước: Vật liệu ngành in CH3630, Kỹ thuật chế bản điện tử CH3640, Kỹ thuật in 1 CH4666

Mục tiêu: sinh viên biết cách lập kế hoạch, tổ chức triển khai một hợp đồng sản xuất in

Nội dung: Giới thiệu đại cương về quá trình sản xuất in và công tác điều độ sản xuất trong nhà in; Cơ sở để tính giá in và lập Hợp đồng kinh tế; Quá trình triển khai sản xuất, tổ chức và điều độ sản xuất trong nhà in để thực hiện Hợp đồng đã lập.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(TN/TL:0.75)

- Điểm quá trình: trọng số 0.25
 - Các báo cáo bài tập, tham gia thảo luận trên lớp: 0,5;
 - Bài kiểm tra giữa kỳ (02 bài – 30 phút/bài) không báo trước, được sử dụng tài liệu: 0,4
 - Điểm chuyên cần: 0,1

Thi cuối kỳ : trọng số 0.75. Tự luận 90 phút

CH4701 ĐỒ ÁN TỔ CHỨC SẢN XUẤT IN

3(0-0-6-6)

Học phần song hành: Tổ chức và quản lý sản xuất in CH4674

Mục tiêu: Đồ án môn học đưa tới cho học viên cơ hội cọ xát trực tiếp với một công việc thực tế thuộc lĩnh vực tổ chức sản xuất in. Qua đây học viên được bồi dưỡng năng lực để khai thác hệ thống sản xuất in nhằm hoàn thiện một sản phẩm in từ khâu đầu đến khâu cuối cùng.

Nội dung: sinh viên triển khai đồ án theo các nhiệm vụ chính như sau

- Thiết kế công nghệ, chọn phương án sản xuất và thiết bị cho chế bản, in và gia công sản phẩm
- Tính lượng nguyên vật liệu cần trong sản xuất
- Tính khối lượng công việc, ước tính được giá sản xuất
- Tổ chức điều độ sản xuất theo thời gian
- Quản lý chất lượng sản phẩm in
- Thể hiện Lệnh sản xuất.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

CH4702 THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT IN

3(0-0-6-6)

Học phần học trước: Kỹ thuật chế bản điện tử CH3640, kỹ thuật in CH4666

Mục tiêu: Thí nghiệm cho phép học viên tiếp cận với các thiết bị trong dây chuyền sản xuất in để họ có thể khai thác vận hành hệ thống sản xuất ấn phẩm.

Yêu cầu: - Nắm chắc nguyên tắc hoạt động, cấu tạo của các thiết bị

- Vận hành thành thạo

Nội dung: các bài thí nghiệm thực hành trong các công đoạn của quá trình sản xuất in bao gồm pha chế, kiểm tra tính chất nguyên vật liệu in, chế bản điện tử, chế khuôn in, in và gia công ấn phẩm sau in.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

- Điểm quá trình: trọng số 0.3
- Thi cuối kỳ (vấn đáp): trọng số 0.7

CH4684 KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG IN

3(2-2-0-6)

Học phần học trước: Kỹ thuật chế bản điện tử CH3640, kỹ thuật in CH4666

Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức để hiểu được mục đích nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác quản lý kiểm tra chất lượng trong ngành in. Sinh viên sẽ có những kiến thức quản lý, các phương pháp đo đạc kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm in. Cũng như một số tiêu chuẩn hoá chất lượng sản phẩm trong ngành in.

Nội dung: Nội dung chương trình bao gồm các phương pháp đánh giá kiểm tra và quản lý chất lượng sản phẩm qua các công đoạn và thành phẩm trong ngành in

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(VĐ/TL:0.75)

- Điểm quá trình (trọng số 0.4) = (KT giữa kỳ*0.6 + thảo luận *0.4) + điểm chuyên cần
 - Kết quả thảo luận đánh giá dựa trên số buổi tham dự và chất lượng tham gia thảo luận
 - Kiểm tra giữa kỳ 1 lần (tự luận 30 phút)
 - Điểm chuyên cần = 1, 0, -1, -2 tùy theo số lần vắng mặt là 0, 1-2 lần, 3-4 lần hoặc từ 5 lần.
- Thi cuối kỳ (trọng số 0.6): Thi vấn đáp hoặc tự luận

CH4716 CƠ SỞ THIẾT KẾ NHÀ MÁY IN

3(3-1-0-6)

Học phần học trước: Nhập môn KT in truyền thông CH3600

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất để thiết kế một phân xưởng hoặc một xí nghiệp in. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng phân tích các điều kiện về sản phẩm, thị trường, công nghệ và thiết bị, kinh tế tài chính để thiết kế mở rộng, thiết kế mới hoặc đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực một công đoạn hoặc toàn bộ quá trình công nghệ của một xí nghiệp in với các quy mô sản xuất, phương án sản phẩm và công nghệ khác nhau.

Nội dung: Những vấn đề chung của sản xuất in, của ngành in Việt Nam và định hướng phát triển trong tương lai gần. Những yêu cầu khi thiết kế một xí nghiệp in. Các căn cứ thiết kế, nội dung và phương pháp tính toán một số chỉ tiêu chủ yếu cho thiết kế một xí nghiệp in. Quy trình thiết kế, các tính toán, lựa chọn lựa chọn các thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất, bố trí nhân lực sản xuất, quản lý điều hành sản xuất. Tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế của một phương án thiết kế xí nghiệp in.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(TL:0.75)

- Điểm quá trình: trọng số chiếm 0,25.
- Kiểm tra cuối kỳ: trọng số chiếm 0,75

CH4672 AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG NGÀNH IN

2(2-1-0-4)

Học phần học trước: Nhập môn KT in truyền thông CH3600

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tầm quan trọng của công tác bảo hộ lao động trong các xí nghiệp in và nâng cao ý thức trong việc bảo vệ môi trường để đảm bảo an toàn trong sản xuất in. Sinh viên hiểu và nắm được những quy định về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình sản xuất in và các biện pháp phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cũng như các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải trong các xí nghiệp in

Nội dung: Nêu các hoạt động bảo hộ lao động, tác động của quá trình sản xuất đến môi trường sản xuất, sức khỏe, sự an toàn của người lao động và các biện pháp cải thiện môi trường, kỹ thuật vệ sinh lao động, kỹ thuật an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong các nhà máy in. Đồng thời nêu những qui định về vệ sinh lao động, an toàn lao động và môi trường trong các nhà máy in.

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(TL:0.75)

- Làm tiểu luận

8.5 Tự chọn định hướng kỹ thuật đồ họa

CH4710 THIẾT KẾ ĐỒ HOẠ

3(2-2-0-6)

Học phần học trước: Nhập môn KT in truyền thông CH3600

Mục tiêu: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về ý tưởng sáng tạo, mỹ thuật căn bản, đồ họa căn bản để người học có thể tham gia sáng tạo, thiết kế các sản phẩm truyền thông.

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên có khả năng:

- Có những hiểu biết về mỹ thuật.
- Xây dựng ý tưởng sáng tạo phù hợp với các nhu cầu của sản phẩm truyền thông.
- Nắm vững quy tắc đồ họa căn bản (đường nét, màu sắc, chữ, bố cục ...), sử dụng các phần mềm thiết kế đồ họa

Nội dung: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên tắc thiết kế, các kỹ thuật cũng như các ứng dụng chuyên môn. Nội dung chính bao gồm các lý thuyết cơ bản về phối màu, thiết kế pano, quảng cáo, poster và lôgo. Giới thiệu một số phần mềm ứng dụng trong thiết kế đồ họa

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TL:0.7)

Kết thúc mỗi bài tập sẽ chấm theo thang điểm sau:

- Đúng yêu cầu : 1 điểm
- Ý tưởng, sáng tạo : 2 điểm
- Màu sắc : 3 điểm
- Bố cục: 3 điểm

Trình bày : 1 điểm

CH4662 KỸ THUẬT XỬ LÝ ẢNH

3(2-1-1-6)

Học phần học trước: Học phần học trước: Máy tính và mạng máy tính (IT3087) , Kỹ thuật chế bản điện tử (CH3640)

Mục tiêu: Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản xử lý các dạng ảnh để sử dụng trong các ứng dụng thiết kế đồ họa sản phẩm truyền thông.

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên có khả năng:

- Nguyên tắc xử lý các bức ảnh sử dụng trong các dạng sản phẩm truyền thông
- Sử dụng thành thạo một số phần mềm xử lý ảnh kỹ thuật số
- Kết hợp xử lý ảnh với các phần mềm thiết kế đồ họa

Nội dung: kiến thức cơ bản về ảnh số

Các kiến thức và kỹ năng cơ bản sử dụng phần mềm để tạo và biên tập chỉnh sửa ảnh trên máy tính Kỹ thuật chuẩn bị ảnh có hiệu quả cho xuất bản in và web, xuất và nhập ảnh giữa các phần mềm khác nhau

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.25)-T(TN/TL:0.75)

- Điểm quá trình: trọng số 0.25
 - Các báo cáo bài tập, tham gia thảo luận trên lớp: 0,8 ;
 - Điểm chuyên cần: 0,2
- Thi cuối kỳ : trọng số 0.75. Vấn đáp được chuẩn bị 10 phút trước khi lên trả lời. Trình bày trên máy tính. Nộp 1 tờ chuẩn bị khổ A4.

CH4712 THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HOẠ

2(0-0-4-4)

Học phần học trước: Thiết kế trình bày sách CH4713

Mục tiêu: sinh viên được thực hành các kỹ thuật cơ bản nhất trong việc sử dụng các phần mềm chuyên nghiệp để trình bày, thiết kế các ấn phẩm phổ biến

Nội dung: Thiết kế tổng thể và trình bày tạp chí/bản tin định kỳ/tờ gấp/tờ rơi/cuốn sách nhỏ được xuất ra sử dụng những nguyên tắc cơ bản về thiết kế, về phần mềm thiết kế và dàn trang như QuarkXpress, Freehand, Indesign, photoshop, coreldraw,....

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

- Điểm quá trình: trọng số 0.3
- Thi cuối kỳ (vấn đáp): trọng số 0.7

CH4713 THIẾT KẾ, TRÌNH BÀY SÁCH

3(1-3-0-6)

Học phần học trước: Nhập môn KT in truyền thông CH3600

Mục tiêu: Môn thiết kế bìa sách là một học phần, trang bị những kiến thức cơ bản về thiết kế sách, chức năng, vai trò của bìa sách, đặc trưng các thể loại. Học phần này giúp cho Sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong thiết kế sách, từ những thiết kế từ bìa đến trình bày sách. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng phân biệt các thể loại sách có trên thế giới.

Nội dung: Các nguyên tắc, nghệ thuật trình bày các loại ấn phẩm khác nhau. Các yếu tố liên quan về kỹ thuật, nghệ thuật và tâm lý. Một số phần mềm dàn trang, đồ họa chuyên dụng

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

Kết thúc mỗi bài tập sẽ chấm theo thang điểm sau:

- Đúng yêu cầu : 1 điểm
- Ý tưởng, sáng tạo : 2 điểm
- Màu sắc : 3 điểm
- Bố cục : 3 điểm
- Trình bày : 1 điểm
- Điểm kết thúc môn học là điểm trung bình chung của các điểm thành phần

CH4711 ĐỒ ÁN THIẾT KẾ SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG

3(0-0-6-6)

Học phần học trước: Thiết kế trình, bày sách CH4713

Mục tiêu: Môn học cung cấp cho sinh viên khả năng thực hiện xây dựng ý tưởng sáng tạo sản phẩm truyền thông, ứng dụng các kỹ năng thiết kế đồ họa, xử lý ảnh số trong việc thể hiện ý tưởng, thiết kế và trình bày thành công một sản phẩm truyền thông

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên có khả năng

- Xây dựng quy trình sản xuất một sản phẩm truyền thông.
- Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về đồ họa, xử lý ảnh ... trong sản xuất một sản phẩm truyền thông

Nội dung: Thực hiện thiết kế một ấn phẩm cụ thể theo các nhiệm vụ sau

- Hình thành ý tưởng thiết kế một sản phẩm
- Sử dụng phần mềm và các kỹ năng đồ họa để thiết kế theo ý tưởng
- Dựng maket thiết kế
- Lựa chọn phương pháp và thông số xuất ảnh phù hợp

Đánh giá kết quả: BT(0.3)-T(VĐ:0.7)

- Điểm quá trình: 0.3
- Bảo vệ: 0.7

CH4714 HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÀU

2(2-1-0-4)

Học phần học trước: Lý thuyết màu CH3610

Mục tiêu: người học hiểu được nguyên tắc làm việc của các hệ thống quản lý màu để từ đó có thể vận dụng trong việc quản lý màu các hệ thống in ấn cụ thể

Nội dung: Giới thiệu các hệ thống quản lý màu và cấu trúc của chúng, các khung màu, không gian màu chuyển đổi, các đặc trưng và căn chỉnh thiết bị, màu tiêu chuẩn, tính toán các hệ số màu, tạo profile và các công cụ quản lý

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

- Điểm quá trình: trọng số 0.3
 - Quá trình thảo luận.
 - Hoàn thành đầy đủ các báo cáo theo nội dung được giao.
 - Kiểm tra giữa kỳ
- Thi cuối kỳ (trắc nghiệm và tự luận): trọng số 0.7

CH4715 THIẾT KẾ TRÌNH BÀY BAO BÌ

3(2-2-0-6)

Học phần học trước:

Mục tiêu: Môn thiết kế bao bì là một học phần, trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử, chức năng, vai trò, phân loại các dạng chính của bao bì. Học phần này giúp cho Sinh viên nắm được những yêu cầu thiết kế cơ bản của bao bì, từ chất liệu, cấu trúc, bố cục, màu sắc, hình ảnh, biên tập nội dung đến hoàn chỉnh thiết kế.

Nội dung: Thực hiện thiết kế một ấn phẩm cụ thể theo các nhiệm vụ sau

- Hình thành ý tưởng thiết kế một sản phẩm
- Sử dụng phần mềm và các kỹ năng đồ họa để thiết kế theo ý tưởng
- Dựng maket thiết kế

Đánh giá kết quả: KT/BT(0.3)-T(TN/TL:0.7)

Kết thúc mỗi bài tập sẽ chấm theo thang điểm sau:

- Đúng yêu cầu : 1 điểm
- Ý tưởng, sáng tạo : 2 điểm
- Màu sắc : 3 điểm
- Bố cục: 3 điểm
- Trình bày : 1 điểm
- Điểm kết thúc môn học là điểm trung bình chung của các điểm thành phần

CH4692 THỰC TẬP KỸ THUẬT

2(0-0-4-4)

Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế chuyên sâu về qui trình công nghệ, phương thức tổ chức quản lý sản xuất in và công tác an toàn lao động

- Sinh viên tìm hiểu các kỹ thuật, vận hành thiết bị ở 3 khâu của quá trình sản xuất.

Nội dung:

- Tìm hiểu về qui trình công nghệ, công tác an toàn lao động trong nhà máy, thiết bị phòng chống cháy nổ, phương tiện bảo hộ cho người lao động, môi trường làm việc của từng phân xưởng

- Quá trình chế bản:

+ Tìm hiểu hệ thống chế bản: nguyên lý hoạt động, qui trình đầu vào(input), xử lý(processing), đầu ra (output) cho các sản phẩm khác nhau.

+ Tìm hiểu thiết bị (cấu hình, hoạt động) và phần mềm trong dây chuyền chế bản.

+ Tìm hiểu kỹ thuật thực hiện các bước trong qui trình chế bản: bình bản, in thử, kiểm tra file pdf, kiểm tra file trước khi xuất dữ liệu, ghi hiện phim (nếu có), ghi hiện bản in

- Quá trình in:

+ Qui trình thực hiện quá trình in: chuẩn bị in, căn chỉnh, in sản lượng

+ Tìm hiểu về máy in: cấu hình, thông số kỹ thuật

+ Tìm hiểu các kỹ thuật vận hành thiết bị in: căn chỉnh hệ thống vận chuyển giấy, hệ thống mực, hệ thống ẩm (với in offset), quá trình truyền mực

- Quá trình gia công sau in:

+ Qui trình công nghệ, thiết bị sử dụng trong công đoạn này.

+ Tìm hiểu các kỹ thuật vận hành các thiết bị trong công đoạn gia công: máy gấp, máy dao, máy khâu thép, khâu chỉ, máy vào bìa keo,...

Đánh giá kết quả: QT/BV(0.25/0.75)

- Điểm quá trình (trọng số 0.25): Tham gia đầy đủ các buổi thực tập. Ghi nhật ký thực tập đầy đủ
- Thi cuối kỳ (trọng số 0.75): Thi vấn đáp